

CÔNG TY TNHH JSC QUANG MINH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH JSC QUANG MINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 2400867263

3. Ngày thành lập: 09/07/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 124, 126 đường Ngô Gia Tự, Phường Ngô Quyền, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0989491668

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
2.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
3.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
4.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
5.	Khai thác muối	0893
6.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
7.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
8.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
9.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
10.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: Chế biến và bảo quản thủy sản đông lạnh; chế biến và bảo quản các sản phẩm khác từ thủy sản.	1020
11.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
12.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
13.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
14.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
15.	Sản xuất chè	1076
16.	Sản xuất cà phê	1077
17.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
18.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
19.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
20.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
21.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
22.	Sản xuất sản phẩm thuốc lá	1200

23.	Sản xuất sợi	1311
24.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
25.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
26.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
27.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
28.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
29.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
30.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
31.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
32.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
33.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
34.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
35.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
36.	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa	1702
37.	Sản xuất hoá chất cơ bản Chi tiết: Sản xuất khí công nghiệp.	2011
38.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
39.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
40.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
41.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
42.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
43.	Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh	2310
44.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
45.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
46.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
47.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
48.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao Chi tiết: Sản xuất cọc bê tông đúc sẵn.	2395(Chính)
49.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
50.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
51.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
52.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
53.	Đúc sắt, thép	2431
54.	Đúc kim loại màu	2432
55.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
56.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512

57.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
58.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
59.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
60.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
61.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
62.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
63.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
64.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
65.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
66.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
67.	Sản xuất máy luyện kim	2823
68.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
69.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
70.	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng; sản xuất máy chuyên dụng khác chưa được phân vào đâu.	2829
71.	Đóng tàu và cấu kiện nổi	3011
72.	Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí	3012
73.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	3099
74.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
75.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
76.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
77.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
78.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
79.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
80.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
81.	Thu gom rác thải độc hại	3812
82.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
83.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
84.	Tái chế phế liệu	3830
85.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
86.	Xây dựng nhà để ở	4101
87.	Xây dựng nhà không để ở	4102
88.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
89.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
90.	Xây dựng công trình điện	4221

91.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
92.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
93.	Phá dỡ	4311
94.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
95.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
96.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
97.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
98.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
99.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
100.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
101.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
102.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
103.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
104.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
105.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
106.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
107.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
108.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ chuyên giao công nghệ trong lĩnh vực xây dựng; Lập hồ sơ mời thầu và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu; Lập dự án đầu tư xây dựng công trình.	7490
109.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê ô tô.	7710
110.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
111.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động xuất nhập khẩu.	8299
112.	(doanh nghiệp không hoạt động đầu giá)	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Giới tính: *Nam*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: 121589209

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 124, 126 đường Ngô Gia Tự, Phường Ngô Quyền, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 124, 126 đường Ngô Gia Tự, Phường Ngô Quyền, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 07/07/1985 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Số giấy chứng thực cá nhân: 121589209

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 124, 126 đường Ngô Gia Tự, Phường Ngô Quyền, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 124, 126 đường Ngô Gia Tự, Phường Ngô Quyền, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang